KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

(Kèm theo Tờ trình số 100 /TTr-THCS ngày 30 tháng 5 năm 2024 của trường THCS Nguyễn Trãi)

STT	Tiêu chí	Điểm cơ sở chấm	Mức độ	Ghi chú, minh chứng *(Link truy cập/ Số hiệu văn bản)*
1.	**Chuyển đổi số trong dạy, học**	**68**		
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)	Có	Đạt	Kế hoạch số 78/KH-THCS ngày 18/10/2023.
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến	Có	Đạt	Quy chế kèm theo Quyết định số 78/QĐ-THCS ngày 18/10/2023
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	6	2	- Giáo viên nhà trường sử dụng phần mềm Microsotf Team và Goodle meet để dạy học trực tuyến - Giáo viên giao bài cho học sinh và tương tác với học sinh qua phần mềm Padlet
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	Không 6 6 0 0		
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	3	Có trên 100 học liệu được số hóa https://drive.google.com/drive/folders/1CA0BlYRfZRXjHXcv3qrwNHfBkcWOAcec
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	0	1	- Chưa thực hiện tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên máy tính. - Phòng Tin học đã đucợ cài đặt phần mềm tổ chức kiểm tra.
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	5		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7	3	25/25 giáo viên nhà trường có tài khoản trên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến LMS của VNPT do Sở

STT	Tiêu chí	Điểm cơ sở chấm	Mức độ	Ghi chú, minh chứng *(Link truy cập/ Số hiệu văn bản)*
	- Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	7		GDĐT Bình Dương cấp. - 25/25 giáo viên có khả năng khai thác các phần mềm để phục vụ công tác giảng dạy 23/25 giáo viên xây dựng bài giảng điện tử để giảng dạy. Trong năm học có 06 bài giảng elearning/08 giáo viên.
	- Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8	**2**	- 100% phòng học có máy chiếu hoặc bảng tương tác. Có đường truyền internet hỗ trợ cho giảng dạy. - Số máy tính của phòng tin học 48. Trong tiết tin học mỗi học sinh có 01 máy tính để học tập.
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học	7		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)	0		
2.	**Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục**	**74**		
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)	Có	Đạt	Quyết định số 85/QĐ-THCS ngày 30/10/2023
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Có	Đạt	Số 32/KH-THCS ngày 25/9/2023
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	6	3	Phần mềm https://binhduong.vnerp.vn/ quản lý hồ sơ CBCCVC tỉnh Bình Dương Phần mềm cơ sở dữ liệu moet Phần mềm vnedu quản lý điểm Phần mềm quản lý tài sản Misa Ban hành quy chế kèm theo Quyết định số 86/QĐ-THCS ngày 30/10/2023
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	6		
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	10		
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	6		
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	6		
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	10		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán	6		

STT	Tiêu chí	Điểm cơ sở chấm	Mức độ	Ghi chú, minh chứng *(Link truy cập/ Số hiệu văn bản)*
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)	*6*		
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	8	2	- Triển khai liên lạc giữa gia đình và nhà trường thông qua ứng dụng tin nhắn của vnedu. - Chưa triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp do nhà trường tổ chức thi tuyển sinh - Nhà trường thực hiện thu phí không dung tiền mặt của ngân hàng Agribank
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:	0		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10		
Tổng điểm		**142**	**2**	